



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Tạ Minh Tấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
		Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)	
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký	43 Tô Hiệu Phường Ngô Quyền Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 27 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị ghi sổ là 11.363 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 21.086 triệu VND). Đồng thời, Tổng Công ty cũng ghi nhận phần lãi trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 3.327 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: lỗ 1.337 triệu VND) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phần lãi trong công ty liên kết tương ứng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc này 30 tháng 6 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và kết quả từ việc thanh lý công ty con liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định

Như đã trình bày tại Thuyết minh 9, trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 44,91% vốn cổ phần của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cho các bên khác, qua đó làm giảm quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty xuống còn 45,97% và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một khoản lỗ từ việc thanh lý công ty con là 182 triệu VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 13.880 triệu VND. Phần lãi trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 96 triệu VND.

Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tại ngày thanh lý, Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định, trên thực tế, chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn với giá trị ghi sổ là 53.143 triệu VND. Trong trường hợp Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, tài sản và nợ phải trả thuần, cũng như khoản mục vốn chủ sở hữu thực có của công ty này sẽ thay đổi. Do hạn chế về thông tin liên quan đến khả năng thanh toán những khoản phải thu này từ khách hàng của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó, không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với:

- tài sản và nợ phải trả thuần của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định tại ngày Tổng Công ty thanh lý công ty con này cho mục đích xác định kết quả của hoạt động thanh lý công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019; và
- khoản mục vốn chủ sở hữu thực có của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 để xác định giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và phần lãi trong công ty liên kết tương ứng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00194-19-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		518.138.342.342	617.897.707.280
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	14.160.017.750	38.731.411.252
Tiền	111		14.160.017.750	38.731.411.252
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		195.019.857.383	206.488.925.816
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	179.953.737.175	187.211.186.075
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.772.825.365	2.229.858.773
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	7.600.000.000	8.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	10.380.041.707	12.984.288.014
Dự phòng phải thu khó đòi	137	15	(4.686.746.864)	(4.736.407.046)
Hàng tồn kho	140	16	285.651.821.136	350.244.606.483
Hàng tồn kho	141		292.456.477.647	361.350.720.531
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.804.656.511)	(11.106.114.048)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.306.646.073	12.432.763.729
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	1.748.390.933	306.275.976
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.489.480.646	9.030.542.187
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24(a)	1.068.774.494	3.095.945.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		782.869.647.097	784.352.678.549
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.993.421.544	-
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	8.993.421.544	-
Tài sản cố định	220		681.856.722.057	696.557.038.414
Tài sản cố định hữu hình	221	17	673.143.897.398	687.127.211.625
Nguyên giá	222		1.198.772.852.504	1.254.004.170.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.628.955.106)	(566.876.959.161)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	18	8.303.324.659	8.988.826.789
Nguyên giá	225		9.154.831.169	9.154.831.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(851.506.510)	(166.004.380)
Tài sản cố định vô hình	227		409.500.000	441.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.500.000)	(257.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	19	9.035.570.224	8.809.692.448
Nguyên giá	231		15.852.961.931	15.156.421.991
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.817.391.707)	(6.346.729.543)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.010.630.830	22.723.918.252
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	35.010.630.830	22.723.918.252
Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.211.119.966	29.633.951.303
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(b)	31.662.564.966	27.085.396.303
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	11(a)	1.200.000.000	1.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.762.182.476	26.628.078.132
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	13.492.239.390	26.370.533.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	269.943.086	257.544.952
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.301.007.989.439	1.402.250.385.829

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

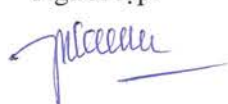
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.093.848.172.534	1.177.356.016.805
Nợ ngắn hạn	310		627.793.052.173	670.416.695.369
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	171.325.757.516	99.952.862.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.044.051.341	3.365.406.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24(b)	1.518.018.401	3.217.957.829
Phải trả người lao động	314		13.172.752.409	18.941.367.765
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	2.377.604.576	2.338.362.789
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	999.450.433	528.145.243
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	5.686.350.575	6.254.481.811
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	419.013.410.102	533.291.807.204
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	29	2.655.656.820	2.526.303.936
Nợ dài hạn	330		466.055.120.361	506.939.321.436
Phải trả người bán dài hạn	331	23	-	16.977.649.431
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	13.023.916.684	11.308.038.143
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	9.331.923.822	14.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	443.479.031.337	463.528.009.283
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	220.248.518	793.700.757
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		207.159.816.905	224.894.369.024
Vốn chủ sở hữu	410	30	207.159.816.905	224.894.369.024
Vốn cổ phần	411	31	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	67.817.662.992	61.351.352.992
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.886.628.351)	13.998.449.579
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(48.111.752)	1.449.190.727
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		(7.838.516.599)	12.549.258.852
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.240.957.752	13.556.741.941
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.301.007.989.439	1.402.250.385.829

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Phạm Thị Nhân
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	537.749.933.311	462.419.146.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	45.454.545	5.460.573
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	537.704.478.766	462.413.685.618
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	36	498.243.392.410	415.421.122.847
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		39.461.086.356	46.992.562.771
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	5.573.850.764	2.484.600.126
Chi phí tài chính	22	38	34.383.037.536	23.923.464.264
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.330.974.932	16.831.849.467
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	11(b)	3.650.162.511	(1.115.451.385)
Chi phí bán hàng	25	39	7.343.228.117	5.482.115.742
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	14.643.946.068	20.320.140.772
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(7.685.112.090)	(1.364.009.266)
Thu nhập khác	31		895.906.218	851.811.847
Chi phí khác	32		79.370.674	635.541.759
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		816.535.544	216.270.088
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(6.868.576.546)	(1.147.739.178)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	1.072.133.474	396.851.835
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	42	(585.850.373)	1.900.918.818
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(7.354.859.647)	(3.445.509.831)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(7.354.859.647)	(3.445.509.831)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(7.838.516.599)	(3.843.193.391)
Cổ đông không kiểm soát	62		483.656.952	397.683.560
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	43	(576)	(283)

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Phạm Thị Nhân
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(6.868.576.546)	(1.147.739.178)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.653.184.618	24.596.491.411
Các khoản dự phòng	03		(4.351.117.719)	3.579.270.038
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.438.369.064)	3.843.177.063
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.824.849.683)	(255.820.686)
Chi phí lãi vay	06		27.330.974.932	16.831.849.467
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		43.501.246.538	47.447.228.115
Biến động các khoản phải thu	09		(73.763.715.395)	(36.136.178.774)
Biến động hàng tồn kho	10		(16.384.476.147)	(68.330.147.373)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		162.435.034.904	64.803.783.166
Biến động chi phí trả trước	12		1.375.744.455	4.084.135.464
			117.163.834.355	11.868.820.598
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.568.198.186)	(12.964.612.103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(864.105.242)	(1.053.685.268)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(614.972.000)	(890.198.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.116.558.927	(3.039.674.773)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(41.548.134.128)	(60.250.183.152)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		586.545.455	1.330.068.535
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.700.000.000)	(21.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.900.000.000	102.800.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		11.613.776.313	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.885.437.338	6.568.540.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.262.375.022)	29.148.425.923

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		470.036.965.384	450.219.555.825
Tiền trả nợ gốc vay	34		(555.451.884.327)	(471.292.270.660)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(540.005.157)	-
Tiền trả cổ tức	36		(7.594.898.750)	(8.345.816.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.549.822.850)	(29.418.530.931)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(24.695.638.945)	(3.309.779.781)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		38.731.411.252	32.958.608.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		124.245.443	109.686.609
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	14.160.017.750	29.758.515.092

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Phạm Thị Nhân
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		30/6/2019	1/1/2019	
Công ty con				
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
5	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	-	90,88%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	-

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 44,91% vốn cổ phần của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cho các bên khác, qua đó làm giảm quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty xuống còn 45,97%.

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và các công ty con có 2.013 nhân viên (1/1/2019: 2.305 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 109.655 triệu VND (1/1/2019: 52.519 triệu VND). Lỗ thuần sau thuế trong kỳ của Tổng Công ty là 7.355 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: lỗ thuần 3.446 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 28(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty, tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi/lỗ trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi/lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Ngoại trừ thay đổi được trình bày tại Thuyết minh 9, không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc;
- Hàn Quốc;
- Hoa Kỳ;
- Nhật Bản; và
- Các vùng địa lý khác

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	233.457.110	215.762.433	30.508.076	28.663.568	20.138.183	9.175.109	537.704.479
Kết quả kinh doanh của bộ phận	27.753.510	(1.206.087)	4.966.503	3.101.392	3.353.561	1.492.207	39.461.086

Chi phí không phân bổ (thuần)

(47.146.198)

Kết quả từ các hoạt động kinh doanh

(7.685.112)

Thu nhập khác

895.906

Chi phí khác

(79.371)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(486.283)

Lỗ thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

(7.354.860)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	210.824.372	145.165.097	62.540.079	26.281.149	7.130.974	10.472.015	462.413.686
Kết quả kinh doanh của bộ phận	21.752.396	9.087.328	9.413.637	3.056.190	2.010.744	1.672.268	46.992.563

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chi phí không phân bổ (thuần)							(48.356.572)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							(1.364.009)
Thu nhập khác							851.812
Chi phí khác							(635.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(2.297.771)
Lỗ thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp							(3.445.510)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019							
Tài sản của bộ phận	171.273.627	5.230.904	1.208.652	3.080.054	-	933.326	181.726.563
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							1.119.281.426
Tổng tài sản							1.301.007.989
Nợ phải trả của bộ phận	123.001.180	9.551.359	-	-	303.020	49.514.250	182.369.809
Các khoản nợ không phân bổ							911.478.364
Tổng nợ phải trả							1.093.848.173
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019							
Chi tiêu vốn							41.548.134
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư							33.592.603
Khấu hao tài sản cố định vô hình							31.500

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019							
Tài sản của bộ phận	157.921.121	22.162.280	8.002.249	-	-	1.355.395	189.441.045
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							1.212.809.341
Tổng tài sản							1.402.250.386
Nợ phải trả của bộ phận	73.036.812	14.749.906	706.075	-	-	14.825.476	103.318.269
Các khoản nợ không phân bổ							1.074.037.748
Tổng nợ phải trả							1.177.356.017

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chi tiêu vốn	60.250.183
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	23.631.329
Khấu hao tài sản cố định vô hình	31.500

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Thanh lý công ty con

Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 44,91% vốn cổ phần của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cho các bên khác, qua đó làm giảm quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty xuống còn 45,97%. Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

Giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày thanh lý như sau:

	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định VND
<i>Giá trị ghi sổ tại ngày thanh lý:</i>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.859.223.687
Các khoản phải thu ngắn hạn	78.572.718.401
Hàng tồn kho	85.278.719.031
Tài sản ngắn hạn khác	12.712.927
Tài sản cố định hữu hình	11.321.417.952
Chi phí trả trước dài hạn	10.721.437.560
Nợ phải trả ngắn hạn	(156.886.938.972)
Nợ phải trả dài hạn	(474.665.500)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	30.404.625.086
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty tại ngày mất quyền kiểm soát	27.631.723.278
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm mất quyền kiểm soát	(13.977.006.152)
Lỗ từ hoạt động thanh lý ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(181.717.126)
	<hr/>
Giá thanh lý	13.473.000.000
	<hr/>
Khoản tiền giảm do thanh lý công ty con	(1.859.223.687)
	<hr/>
Khoản tiền thuần thu được do thanh lý công ty con	11.613.776.313
	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.338.514.268	2.183.378.472
Tiền gửi ngân hàng	12.821.503.482	36.548.032.780
	<hr/>	<hr/>
	14.160.017.750	38.731.411.252

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 2.449 triệu VND (1/1/2019: 2.449 triệu VND) bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định liên quan đến việc hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty.

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<hr/>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	1.200.000.000	(*)	1.200.000.000	(*)

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7,3% (2018: từ 6,3% đến 7,2%).

(ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm là 7,5% (2018: 6,3%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2019				1/1/2019			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công liên kết								
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	(*)	4.244.919.492	36,00%	36,00%	3.962.254.413	(*)
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	(*)	11.362.815.658	36,92%	36,92%	21.086.168.518	(*)
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	(*)	2.174.365.251	36,00%	36,00%	2.036.973.372	(*)
• Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	(*)	13.880.464.565	-	-	-	-
				<u>31.662.564.966</u>			<u>27.085.396.303</u>	

30/6/2019

1/1/2019

Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
1.348.555.000	(*)	1.348.555.000 (*)

Đầu tư góp vốn vào:

- Ngân hàng TMCP Công thương

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	27.085.396.303	28.942.649.123
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm công ty con chuyển thành công ty liên kết	13.977.006.152	-
Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	3.650.162.511	(1.115.451.385)
Cổ tức nhận được trong kỳ	(13.050.000.000)	(17.750.000.000)
Số dư cuối kỳ	31.662.564.966	10.077.197.738

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	81.958.500	7.243.500
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	113.869.848.492	-
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	2.125.455.470	2.042.812.500
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.252.660	1.825.420
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	7.383.103.812	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Dũng	6.454.334.679	-
Công ty TNHH Thành Vin	5.549.999.999	-
Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	5.182.258.176	-
Repos Co. Ltd	3.080.054.113	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Phương Thúy	-	45.759.280.168
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	-	15.535.644.101
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	-	13.793.950.080
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phát Quảng	-	10.884.345.833
Jiangsu Lianfa Textile Material Co., Ltd	-	8.368.329.715
Shandong Ruyi Technology Group Co., Ltd.	-	6.999.152.448
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việ	-	2.883.059.365
Các khách hàng khác	36.224.471.274	80.935.542.945
	179.953.737.175	187.211.186.075

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 7,5% (2018: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	7.600.000.000	8.800.000.000

Các khoản cho vay cấp cho Công ty CP May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết, không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7,5% (2018: 7,5%) một năm.

14. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	3.450.000.000	571.687.500
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	804.387.430	748.278.425
Ký cược, ký quỹ	714.276.089	669.662.597
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	289.122.599	-
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	5.793.421.544
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	-	3.200.000.000
Tạm ứng	3.391.265.275	280.766.076
Phải thu khác	1.730.990.314	1.720.471.872
	10.380.041.707	12.984.288.014

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	5.793.421.544	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	-
	<hr/>	
	8.993.421.544	-
	<hr/>	

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong kỳ. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục chi trả một số chi phí bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời này với tổng giá trị là 2.869 triệu VND. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ khoản chi phí phát sinh thêm này theo các quy định nói trên.

Tại ngày báo cáo, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng toàn bộ các khoản xin hỗ trợ này sẽ được hoàn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2019		1/1/2019					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Textile International N.V	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-
Các khoản phải thu khác	Từ 2 - 3 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941	Từ 2 - 3 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	1.482.275.240	(1.482.275.240)	-	Trên 3 năm	1.531.935.422	(1.531.935.422)	-
		<u>4.773.702.805</u>	<u>(4.686.746.864)</u>	<u>86.955.941</u>		<u>4.823.362.987</u>	<u>(4.736.407.046)</u>	<u>86.955.941</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(4.686.746.864)

(4.736.407.046)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	45.825.664.051	-	5.648.629.876	-
Nguyên vật liệu	58.301.661.655	-	116.338.638.526	(2.494.191.142)
Công cụ và dụng cụ	140.202.610	-	138.965.048	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.184.355.638	-	52.701.416.033	(224.075.911)
Thành phẩm	154.621.713.867	(5.466.905.866)	146.318.157.156	(7.723.296.347)
Hàng hóa	5.532.003.441	(1.307.177.971)	40.146.680.227	(633.977.974)
Hàng gửi đi bán	6.850.876.385	(30.572.674)	58.233.665	(30.572.674)
	292.456.477.647	(6.804.656.511)	361.350.720.531	(11.106.114.048)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 48.269 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2019: 62.036 triệu VND hàng tồn kho) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	294.517.406.249	3.078.049.070	904.119.077.667	52.289.637.800	1.254.004.170.786
Tăng trong kỳ	-	-	52.160.000	1.412.218.182	1.464.378.182
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.159.407.144	-	17.150.756.821	-	28.310.163.965
Thanh lý	(114.532.113)	-	(32.919.336.399)	-	(33.033.868.512)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(50.551.082.826)	(1.420.909.091)	(51.971.991.917)
Phân loại lại	(9.256.420.626)	-	9.256.420.626	-	-
Số dư cuối kỳ	296.305.860.654	3.078.049.070	847.107.995.889	52.280.946.891	1.198.772.852.504
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	65.914.249.327	1.755.329.395	484.926.073.661	14.281.306.778	566.876.959.161
Khấu hao trong kỳ	7.565.316.865	59.434.925	22.387.241.305	2.424.445.327	32.436.438.422
Thanh lý	(114.532.113)	-	(32.919.336.399)	-	(33.033.868.512)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(40.117.188.363)	(533.385.602)	(40.650.573.965)
Phân loại lại	(2.743.407.569)	-	2.743.407.569	-	-
Số dư cuối kỳ	70.621.626.510	1.814.764.320	437.020.197.773	16.172.366.503	525.628.955.106
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	228.603.156.922	1.322.719.675	419.193.004.006	38.008.331.022	687.127.211.625
Số dư cuối kỳ	225.684.234.144	1.263.284.750	410.087.798.116	36.108.580.388	673.143.897.398

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 227.706 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 250.780 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 570.895 triệu VND (1/1/2019: 544.713 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 28).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	9.154.831.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	166.004.380
Khấu hao trong kỳ	685.502.130
Số dư cuối kỳ	851.506.510
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	8.988.826.789
Số dư cuối kỳ	8.303.324.659

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 8.303 triệu VND (1/1/2019: 8.989 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 28).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	15.156.421.991
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	696.539.940
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	15.852.961.931
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.346.729.543
Khấu hao trong kỳ	470.662.164
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.817.391.707
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	8.809.692.448
Số dư cuối kỳ	9.035.570.224
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	22.723.918.252	327.192.461.567
Tăng trong kỳ	42.983.501.567	39.336.476.057
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.310.163.965)	(335.172.974.618)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(696.539.940)	(411.368.182)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(57.974.545)	(258.013.746)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.632.110.539)	(9.480.596.484)
Số dư cuối kỳ	35.010.630.830	21.205.984.594

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.263.179.215	13.262.879.215
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	315.045.271	577.844.086
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	16.086.110.936	595.060.686
Các công trình khác	332.928.273	3.274.767.130
Tổng cộng	35.010.630.830	22.723.918.252

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 4.342 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 9.404 triệu VND (1/1/2019: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công cụ và dụng cụ	781.771.992	246.827.415
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	966.618.941	59.448.561
	<u>1.748.390.933</u>	<u>306.275.976</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.279.958.216	15.534.853.221	383.817.709	9.171.904.034	26.370.533.180
Tăng trong kỳ	-	1.946.929.923	2.818.945.253	467.168.644	5.233.043.820
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.632.110.539	-	-	1.632.110.539
Phân bổ trong kỳ	(1.029.081.902)	(4.802.440.674)	(423.813.906)	(2.766.674.107)	(9.022.010.589)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(327.037.560)	(2.572.703.081)	(7.821.696.919)	(10.721.437.560)
Phân loại lại	2.117.305.811	(3.121.611.803)	(206.245.975)	1.210.551.967	-
Số dư cuối kỳ	<u>2.368.182.125</u>	<u>10.862.803.646</u>	<u>-</u>	<u>261.253.619</u>	<u>13.492.239.390</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	254.022.649	239.350.167
Các khoản mục khác	20%	15.920.437	18.194.785
		<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		269.943.086	257.544.952
		<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(220.248.518)	(793.700.757)
		<hr/>	<hr/>
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(220.248.518)	(793.700.757)
		<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần		49.694.568	(536.155.805)
		<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
Ông Phạm Quốc Tuấn (Phó Giám đốc một công ty con)	923.605.610	1.169.760.100
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	62.489.312	-
Bên khác		
RCMA Asia Pte. Ltd	53.782.866.401	-
Osc Cotton Trading L.L.C	39.924.840.530	18.189.804.525
Kangwal Polyester Co., Ltd	13.729.807.365	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd	9.551.359.496	14.712.728.088
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	9.474.605.894	10.645.605.894
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Đạt	3.036.698.036	4.196.681.550
Agrocorp International Pte., Ltd	-	14.777.567.424
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Đông Tiến Hưng	-	5.027.848.445
Các nhà cung cấp khác	40.839.484.872	48.210.515.405
	171.325.757.516	116.930.511.431

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngắn hạn	171.325.757.516	99.952.862.000
Dài hạn	-	16.977.649.431
	171.325.757.516	116.930.511.431

24. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã thu/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.072.325.176	-	(711.268.132)	361.057.044
Tiền thuế đất	-	684.097.060	-	684.097.060
Các loại thuế khác	23.620.390	-	-	23.620.390
	3.095.945.566	684.097.060	(2.711.268.132)	1.068.774.494

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	Giảm do thanh lý công ty con VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.605.339.678	44.393.392.489	(43.916.077.613)	(1.568.877.258)	513.777.296
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	32.777.937	9.651.261.937	(9.684.039.874)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.397.032.047	1.072.133.474	(1.575.373.374)	-	893.792.147
Thuế thu nhập cá nhân	47.539.718	207.187.429	(213.295.206)	-	41.431.941
Tiền thuế đất	105.242.169	2.650.545.647	(2.698.617.137)	-	57.170.679
Các loại thuế khác	30.026.280	260.837.307	(263.258.877)	(15.758.372)	11.846.338
	3.217.957.829	58.235.358.283	(58.350.662.081)	(1.584.635.630)	1.518.018.401

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	951.838.308	1.129.253.247
Chi phí điện, nước phải trả	906.784.318	891.730.506
Chi phí khác	518.981.950	317.379.036
	<hr/>	<hr/>
	2.377.604.576	2.338.362.789
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

27. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.999.309.389	1.724.794.702
Cổ tức phải trả	1.490.611.250	2.285.510.000
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	1.889.274.681	1.943.329.139
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	307.155.255	300.847.970
	<hr/>	<hr/>
	5.686.350.575	6.254.481.811
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	9.212.500.000	14.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	9.331.923.822	14.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vay và nợ thuê tài chính	(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1/1/2019		30/6/2019		
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
	Vay ngắn hạn	470.764.846.584	458.409.707.020	(589.403.903.443)	(876.130.944)	338.894.519.217
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	61.450.888.349	31.931.226.900	(14.350.428.384)	-	79.031.686.865
	Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	1.076.072.271	551.136.906	(540.005.157)	-	1.087.204.020
		533.291.807.204	490.892.070.826	(604.294.336.984)	(876.130.944)	419.013.410.102

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4%	111.352.720.363	177.579.686.325
Vay ngân hàng 2	VND	6,5% - 8,5%	63.251.064.919	26.794.971.676
Vay ngân hàng 3	USD	4,2%	49.786.413.034	77.730.089.898
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 7,8%	42.485.488.346	20.000.000.000
Vay ngân hàng 5	VND	7,5% - 7,8%	25.974.201.924	7.965.841.115
Vay ngân hàng 6	USD	4,5% - 4,8%	18.643.640.216	31.721.691.634
Vay ngân hàng 7	USD	4% - 4,2%	18.130.121.768	80.294.623.795
Vay ngân hàng 8	USD	4,5%	-	28.638.466.080
Vay cá nhân	VND	5,4% - 7,5%	9.270.868.647	20.039.476.061
			338.894.519.217	470.764.846.584

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị ghi sổ là 40.377 triệu VND (1/1/2019: 44.199 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (i)	517.267.678.739	519.224.531.278
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.330.243.483	6.830.438.625
	523.597.922.222	526.054.969.903
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(80.118.890.885)	(62.526.960.620)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	443.479.031.337	463.528.009.283

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	8,8%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	137.603.579.316	136.867.416.361
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 1 (***)	USD	6,6%	2022	169.310.538.757	167.377.432.283
Vay từ ngân hàng 2 (***)	VND	12,57%	2023	98.221.122.379	101.383.335.527
Vay từ ngân hàng 3	USD	5,5% - 5,7%	2022	40.068.273.169	45.128.657.999
Vay từ ngân hàng 4	VND	9,5% - 11,3%	2024	7.064.776.510	3.468.300.500
				517.267.678.739	519.224.531.278

(*) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 132.036 triệu VND (1/1/2019: 124.365 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 326.405 triệu VND (1/1/2019: 325.718 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 72.077 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 50.431 triệu VND) (Thuyết minh 17) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 9.404 triệu VND (1/1/2019: Không) (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND
Trong vòng một năm	1.130.692.181	43.488.161	1.118.577.126	42.504.855
Trong vòng hai đến năm năm	4.522.768.723	173.952.643	4.474.308.503	170.019.419
Sau năm năm	929.992.318	35.768.935	1.507.355.322	57.278.052
	6.583.453.222	253.209.739	7.100.240.951	269.802.326
				6.830.438.625

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong nợ thuê tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 270.755 USD (1/1/2019: 294.035 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.303 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 8.989 triệu VND) (Thuyết minh 18).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.526.303.936	2.157.950.639
Trích lập trong kỳ	806.790.664	1.326.775.265
Sử dụng trong kỳ	(677.437.780)	(890.198.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.655.656.820	2.594.527.904

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	136.000.000.000	(12.175.488)	24.431.528.988	48.020.060.411	14.068.243.886	222.507.657.797
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(3.843.193.391)	397.683.560	(3.445.509.831)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	36.690.764.850	(36.675.356.845)	(15.408.005)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.326.775.265)	-	(1.326.775.265)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	(8.160.000.000)	-	(8.160.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	136.000.000.000	(12.175.488)	61.122.293.838	(1.985.265.090)	14.450.519.441	209.575.372.701
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	136.000.000.000	(12.175.488)	61.351.352.992	13.998.449.579	13.556.741.941	224.894.369.024
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(7.838.516.599)	483.656.952	(7.354.859.647)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.466.310.000	(6.466.310.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(780.251.331)	(26.539.333)	(806.790.664)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	(6.800.000.000)	-	(6.800.000.000)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	(2.772.901.808)	(2.772.901.808)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	136.000.000.000	(12.175.488)	67.817.662.992	(7.886.628.351)	11.240.957.752	207.159.816.905

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100	136.000.000.000

32. **Cổ tức**

Ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.800 triệu VND cho các cổ đông (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 8.160 triệu VND).

33. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.300.764.667	487.786.750
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	55.932.880.666	56.908.454.167
	65.038.233.333	65.200.828.917

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	42.192	979.479.286	1.254.982	29.059.203.051
EUR	450	11.260.113	450	11.877.561
		990.739.399		29.071.080.612

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng:		
▪ Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị	66.708.000.000	95.510.000.000
▪ Dự án di dời Tổng công ty ra Khu Công nghiệp Hòa Xá	407.723.000.000	23.130.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	23.494.000.000	-
	497.925.000.000	118.640.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	431.788.941.031	365.466.561.218
▪ Cung cấp dịch vụ	8.264.891.074	19.585.200.895
▪ Dịch vụ gia công	93.259.550.956	74.604.859.093
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.080.781.819	1.726.347.331
▪ Doanh thu khác	2.355.768.431	1.036.177.654
	<hr/>	<hr/>
	537.749.933.311	462.419.146.191
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(45.454.545)	(5.460.573)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	537.704.478.766	462.413.685.618

36. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	415.229.176.931	334.387.556.937
Dịch vụ đã cung ứng	7.015.253.718	15.940.637.120
Dịch vụ gia công	77.165.701.470	63.402.168.101
Bất động sản đầu tư cho thuê	873.562.376	696.032.433
Giá vốn khác	2.261.155.452	994.728.256
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.301.457.537)	-
	<hr/>	<hr/>
	498.243.392.410	415.421.122.847

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	769.858.843	818.540.540
Lãi do người mua chậm trả	188.728.671	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.615.065.071	1.665.814.644
Doanh thu khác	198.179	244.942
	<hr/>	<hr/>
	5.573.850.764	2.484.600.126
	<hr/>	<hr/>

38. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.330.974.932	16.831.849.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.870.345.478	7.063.186.628
Lỗ từ thanh lý công ty con	181.717.126	-
Chi phí tài chính khác	-	28.428.169
	<hr/>	<hr/>
	34.383.037.536	23.923.464.264
	<hr/>	<hr/>

39. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	2.742.034.140	2.247.075.523
Chi phí lương nhân viên	75.506.398	64.540.841
Chi phí đại lý bán hàng	2.197.943.753	854.957.655
Chi phí xuất khẩu	1.364.932.648	1.175.633.257
Chi phí bán hàng khác	962.811.178	1.139.908.466
	<hr/>	<hr/>
	7.343.228.117	5.482.115.742
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	7.486.914.500	9.148.835.387
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(49.660.182)	3.580.653.173
Chi phí phân bổ trả trước	1.249.343.109	678.143.055
Chi phí khấu hao	1.237.651.548	586.118.562
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.719.697.093	6.326.390.595
	<hr/>	<hr/>
	14.643.946.068	20.320.140.772
	<hr/>	<hr/>

41. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	204.455.150.274	194.825.508.369
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	23.228.332.100	62.799.791.471
Chi phí nhân công	95.604.665.677	97.419.317.564
Chi phí khấu hao	34.653.184.618	24.596.491.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.246.119.646	58.888.249.915
Chi phí khác	24.007.576.530	24.125.413.095
	<hr/>	<hr/>

42. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.072.133.474	490.162.896
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(93.311.061)
	<hr/>	<hr/>
	1.072.133.474	396.851.835
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(585.850.373)	1.900.918.818
	<hr/>	<hr/>
	486.283.101	2.297.770.653
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(6.868.576.546)	(1.147.739.178)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(1.373.715.309)	(229.547.836)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.659.420.730	906.459.007
Ảnh hưởng của phần (lãi)/lỗ được chia từ các công ty liên kết	(730.032.502)	223.090.277
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(93.311.061)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(69.389.818)	1.491.080.266
	486.283.101	2.297.770.653

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất được quy định theo luật thuế hiện hành.

43. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông là 7.838.516.599 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: lỗi 3.843.193.391 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 13.600.000 cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	212.283.000	3.728.365.445
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.000.000	4.631.315.174
Hoàn trả khoản vay	-	1.484.753.218
Chi phí lãi vay	2.836.466.474	4.127.900.566
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.994.246.143	1.327.286.906
Cổ tức	3.649.850.000	4.379.820.000
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định <i>(từ ngày thanh lý đến ngày 30 tháng 6 năm 2019)</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.126.099.651	71.474.073.058
Mua hàng hóa	406.316.906	28.028.983.797
Lãi do người mua chậm trả	128.351.373	3.648.074.739
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	577.236.639	-
Khoản cho vay	2.700.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản vay	3.900.000.000	-
Thu nhập lãi vay	292.076.737	-
Lãi do người mua chậm trả	75.000.000	-
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	3.508.370	18.000.000
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	3.740.025.754	1.056.236.079
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	386.722.669	391.007.766

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thanh lý công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 9, Tổng Công ty và các công ty con còn có các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	5.000.000.000	12.000.000.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.994.246.143	1.327.286.906

46. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Phạm Thị Nhân
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc